

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

Bản án số: 53/2020/DS – ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Đông**

2. Bà **Trần Thúy Kiên**

- *Thư ký phiên tòa: Ông Điều Khắc Khanh* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Ly*

Ngày **30** tháng **9** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2020/TLST - DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 648/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số 658/TB - TA ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Trụ sở: số 54A đường Nguyễn Chí T, phường Láng E, quận Đống Đ, thành phố L

Người đại diện ủy quyền ông **Trần Thanh N** - sinh năm: 1968

Địa chỉ: số 248 đường Trần Hưng P, phường X, thành phố Y, tỉnh G (có mặt)

Bị đơn: 1/ Ông Lê Văn B, sinh năm: 1969 (Vắng mặt lần 2)

2/ Bà **Nguyễn Thị Hồng C**, sinh năm: 1968 (Vắng mặt lần 2)

Cùng địa chỉ: khu vực Z, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Lê Thị Bích R** – sinh năm : 1988 (Xin vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị E** – sinh năm: 1962 (Xin vắng mặt)

3/ Ông **Nguyễn Văn V** – sinh năm: 1962 (Xin vắng mặt)

4/ Ông **Lê Văn D** – sinh năm: 1963 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu vực Z, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Thanh N trình bày:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q phòng giao dịch J chi nhánh Tp. Y có ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: MBH/2016/HĐCVHM-MSB ngày 24/9/2016 với bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C để cho ông bà vay số tiền nợ gốc 130.000.000đồng, mục đích vay thuê đất, trồng lúa, chăn nuôi, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 12,5%/năm, phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả phân kỳ 6 tháng/kỳ, để bảo đảm cho khoản nợ vay bị đơn có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 333-MBH/2016/BĐ ngày 24/9/2016 với Ngân hàng gồm tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1196, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.334m², loại đất: T, LNK theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00423 ngày 10/11/2003 do Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) cấp cho hộ ông Lê Văn C được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N chỉnh lý ngày 25/7/2016 cho ông Lê Văn Bình đứng tên chủ sử dụng đất, tọa lạc ấp Z, xã H, huyện N, tỉnh Cần Thơ (*Nay là khu vực Z, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ*)

Quá trình vay bị đơn đã trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 69.000.846đồng, không thực hiện tiếp nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đã vi phạm hợp đồng, vì thế nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết nhưng bị đơn luôn tìm cách lẩn tránh nhằm chiếm dụng vốn của Ngân hàng nên các bên phát sinh tranh chấp.

Tính đến nay hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên đã quá hạn, đồng thời đã cho gia hạn nợ nhiều lần ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C cam kết trả nợ nhưng đều không thực hiện đúng cam kết thỏa thuận theo hợp đồng đã ký, tạm tính đến ngày 01/10/2019 bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 117.435.197đồng (trong đó: nợ gốc là 80.999.154 đồng, lãi trong hạn 27.014.075đồng, lãi quá hạn 9.421.968 đồng)

Nay nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 117.435.197đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/10/2019 cho đến khi ông B thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: MBH/2016/HĐCVHM-MSB ngày 24/9/2016.

Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn thì đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay của bị đơn theo hợp đồng thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Về phía bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đối với bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông bà đều vắng mặt. Để làm cơ sở giải quyết Tòa án có kết hợp với chính quyền địa phương đến nơi cư trú để ghi ý kiến của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không thực hiện được do ông bà thường đi làm không có mặt ở nơi cư trú và qua kết quả xác minh được chính quyền địa phương cho biết ông B, bà C có đăng ký hộ khẩu thường

trú tại khu vực Z, phường H, quận N, Tp. Cần Thơ nhưng khoảng năm 2018 cho đến nay ông B, bà C thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Bích R trình bày: Bà là con ruột của ông B, bà C, hiện bà đang quản lý sử dụng căn nhà xây dựng trên thửa đất 1196 do ông Lê Văn B đứng tên chủ sử dụng và đã thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm thanh toán nợ cho ông B, bà C. Đối với vay tiền và thế chấp tài sản của ông B, bà C thì bà không có ý kiến, hiện cha mẹ đi làm ăn xa nên thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nhưng có biết việc ngân hàng khởi kiện cha mẹ đòi nợ nhưng do làm ăn xa nên không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngoài ra, do bận công việc nên bà xin vắng tại các lần hòa giải đối chất, xét xử tại Tòa án các cấp.

2/ Bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Văn V, ông Lê Văn D trình bày:

Các ông bà là người thân thích với ông Lê Văn B. Ông bà mỗi có 01 có căn nhà trên phần đất thế chấp thuộc thửa đất số 1196, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.334m², loại đất: T, LNK theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00423 ngày 10/11/2003 do Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) cấp cho hộ ông Lê Văn C được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N chỉnh lý ngày 25/7/2016 cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sử dụng đất. Việc bà C, ông B thế chấp thửa đất 1196 để vay tiền tại ngân hàng thì ông bà không biết nên không có ý kiến. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với bị đơn ông B, bà C thì ông bà không có ý kiến về việc vay nợ, tuy nhiên, trường hợp phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà thì ông bà sẽ khởi kiện tranh chấp thành vụ án khác. Ngoài ra, ông bà do bận công việc làm ăn nên xin được vắng mặt các lần hòa giải, đối chất, xét xử tại Tòa án các cấp.

Quá trình thu thập chứng cứ, theo yêu cầu của đương sự, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1196, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.334m², loại đất: T, LNK theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00423 ngày 10/11/2003 do Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) cấp cho hộ ông Lê Văn C được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N chỉnh lý ngày 25/7/2016 cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sử dụng đất, tọa lạc ấp Z, xã H, huyện N, tỉnh Cần Thơ (nay là khu vực Z, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ) là đúng hiện trạng sử dụng đất. Các tài sản trên đất thế chấp gồm: Căn nhà ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C, hiện do bà Lê Thị Bích R đang quản lý, 02 căn nhà của ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị E, 01 căn nhà của ông Nguyễn Văn V chưa được cấp quyền sở hữu, hiện do ông bà này đang quản lý sử dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để hòa giải động viên nhằm tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các lần triệu tập hòa giải bị đơn ông B, bà C đều vắng mặt, không rõ lý do nên không thể tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông N trình bày như sau: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 97.917.636 đồng,

trong đó: Nợ gốc 60.999.154 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2020 là 36.918.482 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn thì đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay của bị đơn theo hợp đồng thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác

Bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền 97.917.636 đồng, trong đó: nợ gốc 60.999.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2020 là 36.918.482 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 01/10/2019 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số nợ này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 333-MBH/2016/BĐ, ngày 24/9/2016 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Văn V, bà Lê Thị Bích R có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông bà là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc, tiền lãi phát sinh chưa thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và giao tài sản bảo đảm cho nguyên đơn để xử lý nhằm thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp nhưng bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt nên không thỏa thuận được và phát sinh tranh chấp.

Xét thấy ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C có vay tiền Ngân hàng thương mại cổ phần Q với mục đích vay dùng vào việc thuê đất, trồng lúa, chăn

nuôi và không có đăng ký kinh doanh nên xác định mối quan hệ tranh chấp này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, Tp. Cần Thơ theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi tạm tính ngày 30/9/2020 với tổng số tiền là 97.917.636 đồng và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Về phía bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, có ghi rõ ngày đưa vụ án ra xét xử lần hai nhưng bị đơn ông B, bà C đều vắng mặt, không có lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án nên trong trường hợp này được xem ông B, bà C từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nên ông bà phải gánh chịu hậu quả không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như sau: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra chứng cứ đủ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Vì vậy, có cơ sở xác định việc bị đơn ông B, bà C có ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với nguyên đơn và chưa thanh toán nợ cho ngân hàng là sự thật.

[4] *Về yêu cầu thanh toán nợ hợp đồng tín dụng*: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q và bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C có ký kết hợp đồng cho vay hạn mức ngày 24/6/2016 để vay số tiền 130.000.000đồng, mục đích vay thuê đất, trồng lúa, chăn nuôi, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 12,5%/năm, phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả phân kỳ 6 tháng/kỳ, bị đơn ông B, bà C đã nhận đủ số tiền nêu trên khế ước nhận nợ số 333.2 - MBH/2017/KUNN - MSB ngày 16/3/2017 là phù hợp với những quy định về nội dung, hình thức hợp đồng được quy định tại các Điều 121, Điều 122, Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005 thời điểm đang có hiệu lực và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét thấy bị đơn ông B, bà C trong thời gian vay chỉ trả được cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 69.000.000đồng, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi theo định kỳ khi đến hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng cho vay đã ký kết. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 97.917.636 đồng, trong đó: nợ gốc 60.999.000đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2020 là 36.918.482 đồng và bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[5] *Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 333-MBH/2016/BĐ ngày 24/9/2016 tại thửa đất số 1196, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.334m², loại đất: T, LNK theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00423 ngày 10/11/2003 do Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) cấp cho hộ ông Lê Văn C được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N chỉnh lý do nhận thừa kế và tặng cho ngày 25/7/2016 cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sử dụng đất để đảm bảo cho khoản nợ vay với nguyên đơn và hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên các bên buộc phải thực hiện trách nhiệm theo thỏa thuận của hợp đồng tại các Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thời điểm đang có hiệu lực.

Tuy nhiên, hiện nay trên phần đất thế chấp có căn nhà của bị đơn, ông V, ông D, bà E tồn tại trước thời điểm các bên giao kết hợp đồng thế chấp do ông bà đang quản lý sử dụng, quá trình giải quyết vụ án ông bà không tranh chấp đối với bị đơn trường hợp nếu bị phát mãi tài sản ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Xét thấy việc bị đơn ông B đứng tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 1196 đến nay chưa có cơ quan nhà nước thẩm quyền nào có ý kiến đến giấy đất này và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai tranh chấp hoặc khiếu nại việc đứng tên trên giấy này nên ông B được xem chủ sử dụng đất hợp pháp và được nhà nước bảo vệ quyền lợi theo quy định, các ông bà không có yêu cầu độc lập tranh chấp với ông B nên Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu của ông bà trong cùng vụ án, mà cần thiết ông bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Vì vậy, trong trường hợp này cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất để thu hồi nợ là phù hợp. Trong quá trình xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ nếu các đương sự có tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ án khác, quyền lợi của bên nhận thế chấp và chủ tài sản gắn liền trên đất thế chấp sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật và tách việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu là phù hợp.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tính trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] *Về chi phí tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp với chi phí số tiền 2.500.000 đồng. Do

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ nộp số tiền 2.500.000 đồng để trả cho nguyên đơn.

[8] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 121, 122, 124, 343 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết số 03/2018/NQ -HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

***Tuyên án:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về nợ: Buộc bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền 97.917.636 đồng, trong đó: nợ gốc 60.999.154 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2020 là 36.918.482 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 01/10/2020 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số nợ này.

2/ Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 333-MBH/2016/BĐ, ngày 24/9/2016 để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1196, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.334m², loại đất: T, LNK theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00423 ngày 10/11/2003 do Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) cấp cho hộ ông Lê Văn C được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N chính lý do nhận thừa kế và tặng cho ngày 25/7/2016 cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sử dụng đất, tọa lạc ấp Z, xã H, huyện N (cũ) , tỉnh Cần Thơ (*Nay là khu vực Z, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ*)

Tách việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện.

3/ **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Hồng C phải nộp số tiền 4.895.000 đồng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền 2.936.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 012210, ngày 29/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

4/ **Về chi phí tố tụng**: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.500.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 2.500.000 đồng. Bị đơn ông B, bà C phải có trách nhiệm nộp số tiền 2.500.000 đồng để trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

5/ **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6/ **Về quyền và nghĩa vụ thi hành án**: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Bá Lộc

TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thanh Điền

Nguyễn Văn Đông

Võ Bá Lộc

